

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 580/2023/DS-PT

Ngày: 23-8-2023

V/v “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu,
yêu cầu huỷ quyết định cá biệt trái pháp
luật của cơ quan, tổ chức, tranh chấp về
thừa kế tài sản theo di chúc và theo pháp
luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 513/2022/TLPT-
DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu huỷ quyết định cá biệt trái pháp
luật của cơ quan, tổ chức, tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc và theo pháp
luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022
của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1958/2023/QĐPT-DS
ngày 07 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh D, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số A Hà Giang, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ liên lạc: Số A P, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; (vắng
mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông D (văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021):

1. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số A N, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Minh T, sinh năm: 1992; địa chỉ: Số A P, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Khách H, sinh năm: 1970; (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1972 (có mặt);

2. Bà Trần Thị Diễm M, sinh năm 1998 (có mặt);

3. Ông Trần Khánh H1, sinh năm 2007 (có mặt);

Đại diện theo pháp luật của Trần Khánh H1: bà Nguyễn Thị Thu T1 (là mẹ ruột) (có mặt);

4. Ông Trần Minh T2 (chết);

5. Bà Lưu Thị Hoàng A (chết);

Cùng địa chỉ: 7 N, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng C2; địa chỉ trụ sở: 9 Hà Giang, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S:

Ông Đỗ Hữu S; chức vụ: Trưởng Văn phòng C2; địa chỉ: 9 Hà Giang, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; (vắng mặt).

2. Ông Phạm Duy H2; địa chỉ: G H, Phường A, thành phố B; địa chỉ liên lạc: 2 L, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm: 1967; địa chỉ: 1 N, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

4. Ông Trần Minh H3, sinh năm: 1974; địa chỉ: D N, Phường B, thành phố B. Vắng mặt.

5. Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm: 1964; địa chỉ: H T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

6. Chị Hà Thị H4 (Hà Thu H5), sinh năm: 1997; địa chỉ: Hẻm D N, Phường B, thành phố B; địa chỉ liên lạc: Số A T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

7. Ông Phạm Duy V, sinh năm: 1989; địa chỉ: G H, Phường A, thành phố B; địa chỉ liên lạc: 2 L, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt).

8. Ông Phạm Đình K, sinh năm: 1989; địa chỉ: G H, Phường A, thành phố B; địa chỉ liên lạc: 2 L, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; (vắng mặt).

9. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L

Địa chỉ trụ sở: Trung tâm hành chính tỉnh L - Số C T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú T3; chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/3/2022): Ông Trần Lê D1; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt).

10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

Địa chỉ trụ sở: Trung tâm hành chính tỉnh L - Số C T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc H6 - Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số ngày 26/4/2022): Ông Tạ Đăng C1 – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L. (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Khách H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Minh D trình bày:

Bố mẹ của ông là cụ Trần Minh T2 (1938-2011) và cụ Lưu Thị Hoàng A (1942-2009) có 09 người con chung gồm:

Ông Trần Hoàng T4 (1962-1977), đã chết từ khi còn nhỏ, ông T4 không có vợ, không có con;

Bà Trần Minh Thanh H7 (1963-2018); bà H7 có chồng là ông Phạm Duy H2. Ông H2 và bà H7 có 02 người con chung là chị Phạm Ý T5 (đã chết năm 2020) và anh Phạm Duy V. Chị T5 có chồng là anh Phạm Đình K.

Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1964;

Ông Trần Minh D, sinh năm 1966;

Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1967;

Bà Trần Thị Thanh V1 (1969-2010); bà V1 có chồng là ông Hà Quốc Đ (1967-2007). Ông Đ và bà V1 có 02 người con chung là chị Hà Thu H8 (1992-2015) và chị Hà Thị H4 (Hà Thu H5), sinh năm 1997. Chị H8 có chồng và có con nhưng từ khi chị H8 chết thì chồng chị H8 đã đưa con bỏ đi và không có liên lạc gì.

Ông Trần Khách H, sinh năm 1970;

Ông Trần Minh H3, sinh năm 1974;

Ông Trần Minh T6 (1976 -1976), ông T6 đã chết từ khi còn nhỏ và không có vợ con.

Quá trình chung sống cụ T2, cụ A tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 140 với tổng diện tích 2.500m² đã phân chia cho các con là ông H3 và ông H; Thửa đất số 141 với tổng diện tích 3.525m² đã phân chia cho các con là ông D, bà X, bà P; Thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m². Ngoài ra, cụ T2, cụ A không còn khối tài sản nào khác.

Thửa đất số 140 và 141 thì do đã phân chia nên hiện nay nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn chỉ tranh chấp thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² theo kết quả đo đạc thì diện tích đất tranh chấp hiện nay là 229,8m². Do bị đơn và những có quyền lợi, nghĩa vụ người liên quan đã lập Văn bản phân chia di sản thừa kế giấu hàng thừa kế và bị đơn đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng “Văn bản phân chia di sản thừa kế” số công chứng 0150 quyền số 48 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2017 do Văn phòng C2 chứng nhận là vô hiệu; hủy phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 24/01/2017 (phần cập nhật sang tên ông Trần Khách H) tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193; chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp ngày 27/4/2005 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m²; mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ông D có nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và ông D đồng ý thanh toán lại cho các hàng thừa kế của cụ T2, cụ A giá trị bằng tiền tương ứng với một kỷ phần thừa kế.

Đối với kết quả đo đạc và thẩm định giá thì ông thống nhất, không khiếu nại thắc mắc gì.

Bị đơn ông Trần Khách H trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với hàng thừa kế của cụ T2 và cụ A thì ông thống nhất với lời trình bày của ông D.

Trong quá trình chung sống thì cụ T2, cụ A có tạo lập được khối tài sản để chia cho các con gồm: Chia cho ông H3 diện tích đất 1.250m² đất trà; chia cho

ông H 1.250m² đất trà; chia cho ông D 1.300m² đất cà phê; chia cho bà X 1.250m² đất cà phê; chia cho bà P 1.200m² đất cà phê.

Trong quá trình bố mẹ phân chia đất xong thì ông D đã lấy phần đất của ông H được chia và chuyển nhượng luôn phần đất đó cho người khác nên các anh chị em thống nhất để lại tài sản là thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại Phường B, thành phố B với diện tích đất 207m² cho ông để làm nhà từ đường theo văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C2 chứng thực ngày 12/01/2017, không có ai đòi hỏi về phần tiền bạc cũng như phần thừa kế này.

Tại thời các anh chị em trong gia đình lập văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C2 chứng thực ngày 12/01/2017 thì ông D đã bỏ đi khỏi địa phương, sinh sống ở đâu thì không ai biết nên ông D mới không ký vào văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C2 chứng thực ngày 12/01/2017.

Còn việc mở thừa kế do gia đình ông không hiểu rõ pháp luật như thế nào nên các anh chị em trong gia đình quyết định mở thừa kế đối với di sản của cụ T2, cụ A và các anh chị em trong gia đình đã thống nhất giao toàn bộ thửa đất số 11 và tài sản trên đất cho ông quản lý, sử dụng và ông phải có trách nhiệm thờ cúng cha mẹ và nộp thuế đối với nhà nước liên quan đến tài sản là nhà và đất nêu trên. Do đó, các anh chị em đã ra làm thừa kế theo văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C2 chứng thực ngày 12/01/2017 cho ông.

Ngoài ra, ông H còn cho rằng tài sản đang tranh chấp thì bố của ông là cụ T2 đã lập di chúc cho ông được hưởng ½ khối tài sản trên. Di chúc là do cụ T2 tự lập và ký tên, do không hiểu biết nên không đi công chứng chứng thực nên nay ông D khởi kiện thì ông chỉ đồng ý chia di sản của cụ A cho các hàng thừa kế còn phần của cụ T2 thì do cụ T2 đã có di chúc để lại cho ông nên ông không đồng ý chia di sản đối với phần của cụ T2.

Trong quá trình sử dụng, quản lý nhà đất nói trên thì vào năm 2015 -2016 ông H có xây dựng một căn nhà có kích thước 6m x 9m, tường gạch, nền xi măng, mái tôn, cửa sổ và cửa ra vào bằng kính, khung sắt. Nhà có gác và gồm 03 phòng trọ nhưng đang để trống, không có ai thuê.

Đối với kết quả đo đạc và thẩm định giá thì ông thống nhất, không khiếu nại thắc mắc gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh X, ông Trần Minh H3 trình bày:

Các ông bà thống nhất đối với lời khai của ông H. Các ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không đồng ý chia nhà đất nói trên và có nguyện vọng để lại nhà đất nói trên cho ông H để ông H làm nhà từ đường, thờ cúng tổ tiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H4 (Hà Thu H5) có đơn khởi kiện độc lập và trình bày:

Chị H5 đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thống nhất với nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản mà cụ T2, cụ A để lại.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các hàng thừa kế. Đề nghị Tòa án nghiêm minh xem xét để làm rõ vụ việc và giải quyết theo quy định của pháp luật và chị H5 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T2 và cụ A; chị H5 đề nghị xin được nhận lại phần của mẹ bà mà lẽ ra mẹ bà là bà V1 được hưởng khi còn sống nhưng do bà V1 đã chết và chị gái của bà là bà H8 đã chết nên bà có nguyện vọng nhận di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Chị H5 có nguyện vọng nhận phần thừa kế của mẹ bà bằng tiền để trang trải cuộc sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S trình bày:

Theo yêu cầu công chứng của ông H thì Văn phòng C2 tiếp nhận hồ sơ gồm có: Phiếu yêu cầu do ông H ký; tờ tường trình về quan hệ hôn nhân (có 4 người con) được Ủy ban nhân dân Phường B chứng thực ngày 16/12/2016; giấy chứng tử của cụ T2; trích lục khai tử của cụ A; giấy khai sinh, hộ khẩu, chứng minh nhân dân của bà H7; trích lục khai sinh, hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ông H3; giấy khai sinh, hộ khẩu, chứng minh nhân dân của bà X; giấy khai sinh, hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ông H; di sản là quyền sử dụng đất số hiệu AC 094193 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 27/4/2005.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ thì Văn phòng công chứng đã kiểm tra pháp lý và tiến hành thực hiện các nội dung sau: Ngày 26/12/2016, niêm yết Thông báo số 156/TB-VPCC; ngày 10/01/2017 kết thúc niêm yết, không có ai khiếu nại; ngày 12/01/2017, công chứng viên Đặng Thị X1 ký văn bản phân chia thừa kế thể hiện nội dung: Bà H7, bà X1, bà H3 nhường quyền thừa kế cho ông H theo số công chứng 150 quyền số 48/TP/CC-SCC/HĐGD.

Văn phòng công chứng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục niêm yết 15 ngày, không có khiếu nại, tố cáo nào nên đã phát hành giao hồ sơ cho khách hàng là ông H. Việc công chứng văn bản phân chia thừa kế là đúng quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong tường trình quan hệ nhận thân được Ủy ban nhân dân Phường B chứng thực thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 và cụ A chỉ có 4 người con là bà H7, bà X1, ông H3 và ông H. Trong 4 người con nêu trên của cụ T2, cụ A thì có 03 người từ chối và nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho ông H. Ông D không có tên trong tờ tường trình này.

Trường hợp ông D chứng minh được mình là người được quyền hưởng di sản thừa kế của cụ T2, cụ A thì việc bỏ sót hàng thừa kế là do người khai nhận di sản thừa kế chứ không phải do Văn phòng công chứng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L trình bày:

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thực hiện việc đăng ký biến động sang tên cho ông H vào ngày 24/01/2017 tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 094183 đối với thửa đất số 11 nêu trên là đúng quy định của pháp luật vì căn cứ vào Văn bản phân chia di sản thừa kế số 0150 quyền số 48 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2017 do Văn phòng C2 chứng thực.

Ngày 27/3/2017, ông H làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận số AC 094193 thành giấy chứng nhận số CH 406752 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp vào ngày 27/3/2017.

Nay các bên tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L trình bày:

Ngày 27/3/2017, ông H làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận số AC 094193 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận số CH 406752 vào ngày 27/3/2017 đứng tên ông H.

Việc cấp đổi nêu trên là thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật.

Nay các bên tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

- Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 647, 652, 653, 654, 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 234, Khoản 2 Điều 357, Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 662, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 5, 9, 11 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37; Điều 144, Điều 147, Điều 153, Điều 154, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D về việc kiện “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức; tranh chấp về thừa kế tài sản” với bị đơn ông Trần Khách H.

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Minh T2, cụ Lưu Thị Hoàng A gồm 07 người là: Bà Trần Thị Thanh X, ông Trần Minh D, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh V1 (do chị Hà Thị H4 là người thừa kế thế vị), ông Trần Khách H, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp).

1.2. Xác định di sản thừa kế do cụ Trần Minh T2, cụ Lưu Thị Hoàng A để lại bao gồm:

Thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² theo kết quả đo đạc là 229,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp ngày 27/4/2005. Tổng giá trị di sản cụ Trần Minh T2, cụ Lưu Thị Hoàng A để lại là 6.664.200.000 đồng.

1.3. Tuyên bố “Văn bản phân chia di sản thừa kế” số công chứng 0150 quyền số 48 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2017 do Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S chứng nhận là vô hiệu.

1.4. Hủy “Văn bản phân chia di sản thừa kế” số công chứng 0150 quyền số 48 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2017 do Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S chứng nhận.

1.5. Hủy nội dung xác nhận điều chỉnh đăng ký biến động sang tên cho ông Trần Khách H do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận vào ngày 24/01/2017 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m²; mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 094193 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/4/2005.

1.6. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 406752 mà ông Trần Khách H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới vào ngày 27/3/2017 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m²; mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m².

1.7. Công nhận di chúc do cụ Trần Minh T2 lập ngày 12/3/2011 là hợp pháp một phần đối với ½ trị giá di sản của cụ Trần Minh T2. Chia di sản thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ Trần Minh T2 và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Lưu Thị Hoàng A.

1.8. Giao toàn bộ thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² theo kết

quả đo đạc là 229,8m², trong đó, tổng diện tích nhà gạch là 106,2m² và diện tích nhà gỗ là 42,9m² cho ông Trần Khách H quản lý, sử dụng (có họa đồ đo đạc kèm theo).

Ông Trần Khách H được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.9. Ông Trần Khách H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Minh D giá trị của một kỷ phần thừa kế là 753.689.286 đồng.

1.10. Ông Trần Khách H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hà Thị H4 (Hà Thu H5) giá trị của một kỷ phần thừa kế là 753.689.286 đồng.

1.11. Ông Trần Khách H được quyền quản lý kỷ phần thừa kế của ông Trần Khách H là 753.689.286 đồng + 1.666.050.000đồng = 2.419.739.286đ và quản lý, sử dụng căn nhà trên đất có giá trị 86.544.000 đồng.

1.12. Tạm giao toàn bộ số tiền là 753.689.286 đồng x 4 = 3.014.757.144 đồng cho ông Trần Khách H là người quản lý, sử dụng (là kỷ phần thừa kế của bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp)). Khi nào bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp) có yêu cầu thì ông Trần Khách H có trách nhiệm phải thanh toán cho bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp) theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/8/2022, bị đơn ông Trần Khách H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H do bà T1 (vợ ông H trình bày) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn kháng cáo có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày, nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Khách H làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phía người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H cung cấp chứng cứ là ông H đã chết vào ngày 05/6/2023, tại phiên toà phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H (gồm bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Trần Thị Diễm M, ông Trần Khánh H1) có tờ trình về quan hệ nhân thân của ông H và tất cả đều tham dự phiên toà. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Minh D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng “Văn bản phân chia di sản thừa kế” số công chứng 0150 quyền số 48 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2017 do Văn phòng C2 chứng nhận là vô hiệu; hủy phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 24/01/2017 (phần cập nhật sang tên ông Trần Khách H) tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193; chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp ngày 27/4/2005 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² (đo đạc thực tế là 229,8m²); mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức; tranh chấp về thừa kế tài sản” và thụ lý giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền, thời hạn được quy định tại các Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 234, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 5, 9, 11 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xác định người thừa kế, hàng thừa kế:

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận lời khai của nguyên đơn về người để lại di sản, hàng thừa kế, người thừa kế, thời điểm mở thừa kế. Do đó, bản án sơ thẩm kết luận những nội dung sau đây là phù hợp với quy định tại Điều 635, Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005:

[3.1] Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Minh T2 (chết năm 2011) và cụ Lưu Thị Hoàng A (chết năm 2009) gồm: Bà Trần Minh Thanh H7 (bà H7 chết năm 2018), bà Trần Thị Thanh X, ông Trần Minh D, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh V1 (chết năm 2010), ông Trần Khách H, ông Trần Minh H3.

[3.2] Xác định người thừa kế thế vị, thừa kế chuyển tiếp:

- Người thừa kế thế chuyển tiếp của bà Trần Minh Thanh H7 (chết năm 2018): Ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V.

- Người thừa kế thế vị của bà Trần Thị Thanh V1 (chết năm 2010): Bà Hà Thị H4.

[4] Về xác định di sản thừa kế, và chia thừa kế:

[4.1] Về xác định di sản của cụ T2, cụ A để lại:

Các đương sự đều thừa nhận khi còn sống cụ T2, cụ A có tạo lập được tài sản là thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² theo kết quả đo đạc thì diện tích đất tranh chấp hiện nay là 229,8m²; mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193 vào ngày 27/4/2005.

[4.2] Về xác định tính pháp lý của di chúc:

Ông D xác định cụ T2 và cụ A chết đều không để lại di chúc. Còn ông H xác định cụ T2 chết có để lại di chúc còn cụ A chết không để lại di chúc và tại phiên tòa hôm nay bà T là người đại diện theo ủy quyền của ông D cũng thừa nhận di chúc do ông H xuất trình là chữ viết và chữ ký của cụ T2. Các đương sự cũng đều thống nhất với kết luận giám định do Phòng K1 - Công an tỉnh L kết luận đối với di chúc của cụ T2 do ông H xuất trình.

Theo tài liệu có tiêu đề “Tờ di chúc” (bút lục số 388) thể hiện nội dung: Ngày 12/3/2011, cụ T2 lập di chúc cắt chia cho con trai là ông H diện tích đất 117m² và tài sản là nhà trên đất thuộc thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, là phần đất phía sau nhà, một nửa diện tích đất còn lại của thửa đất nêu trên thì giao cho các con trai và con gái, di chúc có chữ viết và chữ ký ghi tên Trần Minh T2.

Theo Kết luận giám định số 499/KL-KTHS ngày 28/6/2022 của Phòng K1 - Công an tỉnh L (bút lục số 452) kết luận: “Chữ viết, chữ ký ghi họ tên Trần Minh T2 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”. Như vậy, có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết trong tài liệu “Tờ di chúc” là chữ viết và chữ ký của cụ T2.

[4.3] Về chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật:

Theo kết quả đo đạc ngày 14/7/2021 của Công ty TNHH A1 (bút lục số 145) thì thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m²; mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² theo kết quả đo đạc thì diện tích đất tranh chấp hiện nay là 229,8m², trong đó, tổng diện tích nhà gạch là 106,2m² và diện tích nhà gỗ là 42,9m²; do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp ngày 27/4/2005.

Theo chứng thư thẩm định giá số Vc 21631.01/BDS-SEAAC ngày 31/6/2021 (bút lục số 172-180) thể hiện:

Quyền sử dụng đất có giá trị là 6.664.200.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất có giá trị 86.544.000 đồng. Do căn nhà trên đất có diện tích 60,1m² là do ông H xây dựng nên đây không phải là di sản thừa kế của cụ T2, cụ A.

Đối với căn nhà gỗ có diện tích 42,9m² là di sản thừa kế của cụ T2, cụ A nhưng do hiện nay đã cũ nát và không còn giá trị sử dụng nên có giá trị bằng 0 đồng.

Như vậy, phần di sản của cụ T2 và cụ A chỉ còn lại là quyền sử dụng đất với diện tích 229,8m² có giá trị 6.664.200.000 đồng.

Do cụ T2 có để lại di chúc và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông D là bà T cùng bị đơn ông H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, bà X, chị H4 cũng công nhận di chúc ngày 12/3/2011 là di chúc của cụ T2 và yêu cầu chia theo nội dung di chúc nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D và chấp nhận yêu cầu độc lập của chị H4 để di sản thừa kế của cụ T2. Như phân tích nêu trên thì cụ T2 không được định đoạt cả phần của cụ A nên di chúc chỉ có hiệu lực một phần và phần di sản được chia như sau:

Tổng di sản thừa kế của cụ T2 có giá trị $6.664.200.000 \text{ đồng} / 2 = 3.332.100.000 \text{ đồng}$.

Phần di sản 3.332.100.000 đồng của cụ T2 thì do cụ T2 đã để lại di chúc nên phần di sản của cụ T2 được chia theo di chúc, theo đó ông H được nhận $\frac{1}{2}$ di sản của cụ T2 có giá trị $3.332.100.000 \text{ đồng} / 2 = 1.666.050.000 \text{ đồng}$.

Phần di sản còn lại của cụ T2 theo nguyện vọng là cụ T2 để lại cho các con, do ông H đã được hưởng di sản thừa kế của cụ T2 theo di chúc nên phần di sản còn lại của cụ T2 có giá trị 1.666.050.000 đồng được chia làm 6 phần cho 6 người thừa kế gồm: Bà Trần Thị Thanh X, ông Trần Minh D, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh V1 (do chị Hà Thị H4 là người thừa kế thế vị), ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp). Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là $1.666.050.000 \text{ đồng} / 6 = 277.675.000 \text{ đồng}$. (Do ông H đã được chỉ định nhận $\frac{1}{2}$ khối di sản của cụ T2 nên phần còn lại này ông H không được chia nữa).

Phần di sản của cụ A có giá trị 3.332.100.000 đồng do cụ A chết không để lại di chúc nên tiến hành chia di sản thừa kế của cụ A theo pháp luật, cụ thể phần di sản của cụ A được chia làm 7 phần cho 7 người thừa kế gồm: Bà Trần Thị Thanh X, ông Trần Minh D, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh V1 (do chị Hà Thị H4 là người thừa kế thế vị), ông Trần Khách H, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp). Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là $3.332.100.000 \text{ đồng} / 7 = 476.014.286 \text{ đồng}$.

Trong vụ án này, các đương sự đều không có yêu cầu thanh toán công chăm sóc, bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế và di sản thừa kế hiện nay vẫn để

trông, không có ai trực tiếp sinh sống tại nhà và đất nói trên nên không đặt ra để xem xét.

Ông D có nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật còn chị H4 có nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng giá trị thì thấy rằng, diện tích đất nêu trên từ trước đến nay ông H là người quản lý nên cần giao toàn bộ tài sản là nhà và đất nói trên cho ông H quản lý, sử dụng. Bên cạnh đó theo quy định tại Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh L quy định về điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì diện tích đất nêu trên nếu phân chia bằng hiện vật cho ông D và ông H thì không đủ điều kiện để tách thửa nên cần giao toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất theo kết quả đo đạc cho ông H trực tiếp quản lý, sử dụng và ông H phải có trách nhiệm thanh toán lại cho 06 người thừa kế còn lại mỗi người 753.689.286 đồng là giá trị tương đương với một kỷ phần thừa kế mà hàng thừa kế được nhận. Do ông H đã xây dựng nhà trên đất có giá trị 86.544.000 đồng nên ngoài số tiền thừa kế ông H được hưởng là 753.689.286 đồng + 1.666.050.000đồng = 2.419.739.286đ thì ông H còn được quyền quản lý, sử dụng căn nhà trên đất có giá trị 86.544.000 đồng. Tổng cộng ông H phải thanh toán cho ông D và bà H4 mỗi người số tiền 753.689.286 đồng.

Do bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông H2 và anh V là người thừa kế chuyển tiếp) không có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế, tại phiên tòa hôm nay, bà X, bà P, ông H với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông H3, ông H2, anh V đều thống nhất giao phần di sản mà mình được hưởng cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng để làm nhà từ đường nên chỉ cần buộc ông H phải thanh toán cho ông D một kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền 753.689.286 đồng và thanh toán cho chị H4 số tiền 753.689.286 đồng.

Đối với phần bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông H2 và anh V là người thừa kế chuyển tiếp) mỗi người được hưởng di sản thừa kế tương ứng với số tiền 753.689.286 đồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án này và đồng ý giao phần di sản mà mình được hưởng cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng để làm nhà từ đường nên cần tạm giao toàn bộ số tiền là 753.689.286 đồng x 4 = 3.014.757.144đồng cho ông H là người quản lý, sử dụng đối với phần di sản này. Trường hợp bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông H2 và anh V là người thừa kế chuyển tiếp) có yêu cầu thì ông H có trách nhiệm phải thanh toán cho bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông H2 và anh V là người thừa kế chuyển tiếp) theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông H2 và anh V là người thừa kế chuyển tiếp)

sau này có tranh chấp về phần di sản của cụ T2, cụ A thì bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông H2 và anh V là người thừa kế chuyển tiếp) có quyền khởi kiện ông H bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Khách H:

Theo nội dung đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông H trình bày đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, cho ông được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Trần Minh T2 đối với $\frac{1}{2}$ nhà đất thuộc thửa số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² (kết quả đo đạc thực tế là 229,8m²); mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193 vào ngày 27/4/2005.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với “Tờ di chúc” (bút lục số 388) ngày 12/3/2011, theo Kết luận giám định số 499/KL-KTHS ngày 28/6/2022 của Phòng K1 - Công an tỉnh L (bút lục số 452) kết luận: “Chữ viết, chữ ký ghi họ tên Trần Minh T2 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”. Như vậy, có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết trong tài liệu “Tờ di chúc” là chữ viết và chữ ký của cụ T2. Nội dung “Tờ di chúc” thể hiện ngày 12/3/2011, cụ T2 lập di chúc cắt chia cho con trai là ông H diện tích đất 117m² và tài sản là nhà trên đất thuộc thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, là phần đất phía sau nhà, một nửa diện tích đất còn lại của thửa đất nêu trên thì giao cho các con trai và con gái, di chúc có chữ viết và chữ ký ghi tên Trần Minh T2.

Tuy nhiên việc cụ T2 định đoạt toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng là không đúng quy định của pháp luật. Cụ T2 chỉ được định đoạt $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung của vợ chồng (là phần tài sản của cụ T2 trong khối tài sản chung của vợ chồng).

Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận di chúc do cụ Trần Minh T2 lập ngày 12/3/2011 là hợp pháp một phần đối với $\frac{1}{2}$ trị giá di sản của cụ Trần Minh T2 và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Lưu Thị Hoàng A là phù hợp.

[6] Từ những căn cứ nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh D, về việc kiện “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức; tranh chấp về thừa kế tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bị đơn ông Trần Khách H kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu,

chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án, do đó kháng cáo của ông H là không có căn cứ để chấp nhận.

Các phân tích, nhận định nêu trên cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Khách H (do người kế thừa nghĩa vụ tố tụng nộp) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bị đơn ông Trần Khách H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Áp dụng Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 647, 652, 653, 654, 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 234, Khoản 2 Điều 357, Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 662, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5, 9, 11 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37; Điều 144, Điều 147, Điều 153, Điều 154, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D về việc kiện “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức; tranh chấp về thừa kế tài sản” với bị đơn ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H đại diện).

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Minh T2, cụ Lưu Thị Hoàng A gồm 07 người là: Bà Trần Thị Thanh X, ông Trần Minh D, bà Trần Thị Thanh P, bà Trần Thị Thanh V1 (do chị Hà Thị H4 là người thừa kế thế vị), ông Trần Khách H, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp).

1.2. Xác định di sản thừa kế do cụ Trần Minh T2, cụ Lưu Thị Hoàng A để lại bao gồm:

Thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² mục đích sử dụng là đất ở;

tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² theo kết quả đo đạc là 229,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC094193 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp ngày 27/4/2005. Tổng giá trị di sản cụ Trần Minh T2, cụ Lưu Thị Hoàng A để lại là 6.664.200.000 đồng.

1.3. Tuyên bố “Văn bản phân chia di sản thừa kế” số công chứng 0150 quyền số 48 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2017 do Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S chứng nhận là vô hiệu.

1.4. Hủy “Văn bản phân chia di sản thừa kế” số công chứng 0150 quyền số 48 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2017 do Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S chứng nhận.

1.5. Hủy nội dung xác nhận điều chỉnh đăng ký biến động sang tên cho ông Trần Khách H do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận vào ngày 24/01/2017 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m²; mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 094193 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/4/2005.

1.6. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 406752 mà ông Trần Khách H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới vào ngày 27/3/2017 đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m²; mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m².

1.7. Công nhận di chúc do cụ Trần Minh T2 lập ngày 12/3/2011 là hợp pháp một phần đối với ½ trị giá di sản của cụ Trần Minh T2. Chia di sản thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ Trần Minh T2 và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Lưu Thị Hoàng A.

1.8. Giao toàn bộ thửa đất số 11 tờ bản đồ số F.135.IV.A tại 77/9 (nay là 79/9) Nguyễn Công T7, Phường B, thành phố B, diện tích 207m² mục đích sử dụng là đất ở; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 với diện tích 42m² theo kết quả đo đạc là 229,8m², trong đó, tổng diện tích nhà gạch là 106,2m² và diện tích nhà gỗ là 42,9m² cho ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) quản lý, sử dụng (có họa đồ đo đạc kèm theo).

Ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.9. Ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Minh D giá trị của một kỷ phần thừa kế là 753.689.286 đồng.

1.10. Ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hà Thị H4 (Hà Thu H5) giá trị của một kỷ phần thừa kế là 753.689.286 đồng.

1.11. Ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) được quyền quản lý kỷ phần thừa kế của ông Trần Khách H là 753.689.286 đồng + 1.666.050.000đồng = 2.419.739.286đ và quản lý, sử dụng căn nhà trên đất có giá trị 86.544.000 đồng.

1.12. Tạm giao toàn bộ số tiền là 753.689.286 đồng x 4 = 3.014.757.144 đồng cho ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) là người quản lý, sử dụng (là kỷ phần thừa kế của bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp). Khi nào bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp) có yêu cầu thì ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) có trách nhiệm phải thanh toán cho bà Trần Thị Thanh X, bà Trần Thị Thanh P, ông Trần Minh H3, bà Trần Minh Thanh H7 (do ông Phạm Duy H2 và anh Phạm Duy V là người thừa kế chuyển tiếp) theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Khách H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 12251 ngày 17/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông H (do những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H) đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Minh Tâm